

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 9- 2022

V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị L,
anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lãnh Văn Việt;

2. Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “ ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị L, sinh năm 1984 “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1983 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

Chị và anh Vi Văn T kết hôn với nhau vào năm 2003. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu Vi Thị Kiều, sinh ngày 21/4/2004 và cháu Vi Thị Lý Khuyên, sinh ngày 03/5/2007. Hiện hai con đang ở với chị. Nguyên vọng sau khi ly hôn, chị nuôi hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Văn T trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như trình bày quan điểm.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của hai con chị L và anh T, các cháu Vi Thị Kiều và cháu Vi Thị Lý Khuyên đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại Công văn số 17355/QLXNC-P5 của Cục quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thông tin Xuất nhập cảnh “anh Vi Văn T không có thông tin xuất, nhập cảnh”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: Cho ly hôn giữa chị Vi Thị L và anh Vi Văn T. Giao chị Vi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Thị Kiều và cháu Vi Thị Lý Khuyên. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Vi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn đảm bảo đúng các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Chị L có đơn ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh T không có mặt, không trình bày quan điểm. Nay chị L vẫn cương quyết ly hôn, vì vậy xác định hôn nhân của chị L và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị L theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Hiện nay các con chị L, anh T đang ở với mẹ, nguyện vọng các con đều mong muốn ở với chị L. Anh T không trình bày quan điểm đến Tòa án. Xét thấy từ trước đến nay các con đều do chị L nuôi dưỡng, chị L có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao chị L trực tiếp nuôi con hai con chung theo đúng quy định Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vi Thị L và anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Vi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Thị Kiều, sinh ngày 21/4/2004 và cháu Vi Thị Lý Khuyên, sinh ngày 03/5/2007. Sau khi ly hôn anh Vi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu số 0010574 ngày 19/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

